

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 744/2026/DS-PT
Ngày: 03-6-2026
V/v tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thanh

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Quốc Tuấn

Ông Phan Thanh Tùng

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 173/2026/TLPT-DS ngày 23 tháng 3 năm 2026 về việc *Tranh chấp đòi tài sản*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 152/2025/DS-ST ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 187/2026/QĐ-PT ngày 17/3/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N (tên gọi khác: Lê Thị B), sinh năm 1965; (đã chết); Địa chỉ: ấp R, xã T, tỉnh Tây Ninh.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà N:

+ Bà Lê Thị L, sinh năm 1984; Địa chỉ: Đ, thôn P, xã P, Thành phố Hà Nội (có mặt).

+ Ông Lê Văn L1, sinh năm 1924; Địa chỉ: Đ, thôn P, xã P, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L1: Bà Lê Thị L, sinh năm 1984; Địa chỉ: Đ, thôn P, xã P, Thành phố Hà Nội (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Võ Tấn N1, sinh năm 1984; Địa chỉ: Ấp S, xã T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông N1:

+ Ông Trần Đăng Q, sinh năm 1996; Nơi thường trú: Đ, thôn Đ, xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; Địa chỉ liên hệ: Số A đường V, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Quang V, sinh năm 1999; Nơi thường trú: T, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình; Địa chỉ liên hệ: Số B, đường C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Đức T, sinh năm 1994; Địa chỉ: xã V, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn ông Võ Tấn N1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N và các lời trình bày tại Tòa án của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà N là bà Lê Thị L có nội dung:

Trước đây, ông Mã P có vay tiền tại Ngân hàng N2 Chi nhánh thành phố S để mua trả góp xe ô tô. Sau đó, ông Mã P đã bán chiếc xe này cho ông Lê Thành T1 và từ khi mua xe thì ông T1 có trách nhiệm trả số tiền góp xe cho Ngân hàng.

Ngày 04/10/2018, bà N và ông Lê Thành T1 có lập “Hợp đồng bán xe” nhằm mục đích mua bán 01 xe ô tô mang biển số 62H-034.70, nhãn hiệu HYUNDAI, số máy: D6ACEJ274108, số khung: KMFP18CPFC084578 với giá là 1.445.000.000 đồng. Bà N đã thanh toán cho ông T1 số tiền 293.000.000 đồng, có giấy nhận tiền đề ngày 04/10/2018. Số tiền còn lại là 1.152.000.000 đồng thì bà N có nghĩa vụ trả góp hàng tháng thay ông Mã P cho Ngân hàng từ tháng 10/2018 cho đến tháng 12/2020. Sau đó, Ngân hàng không cho hợp đồng vay của ông Mã P tiếp tục trả góp. Lúc này, bà N đã nhờ ông Tạ Thanh D đứng tên người sở hữu xe ô tô này để tiếp tục được trả góp và từ tháng 01/2021 cho đến tháng 6/2022 thì bà N vẫn chuyển tiền trả góp xe vào tài khoản của Ngân hàng. Tháng 7/2022, bà N thế chấp quyền sử dụng đất do bà N đứng tên sở hữu để vay tiền và bà N đã trả hết số tiền góp xe còn lại cho Ngân hàng N2 Chi nhánh thành phố S.

Ngày 14/7/2022, ông D và bà Đặng Thị Thu H (vợ ông D) với ông N1 có ký hợp đồng mua bán xe ô tô được công chứng tại Văn phòng C1 với số công chứng 5882, quyền số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD. Bà N không trực tiếp ký hợp đồng mua bán vì bà N nhờ ông N1 đứng tên chủ sở hữu xe ô tô do ông Nghĩa L2 tài xế của bà N, người trực tiếp sử dụng xe. Ngày 15/7/2022, ông N1 rút hồ sơ chuyển vùng từ Sóc Trăng về đăng ký xe ở Long An thông qua Giấy chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số xe.

Từ khi ông N1 đứng tên sở hữu của xe ô tô thì ông N1 đã chiếm giữ, sử dụng xe không trả xe lại cho bà N và cũng không trả số tiền thu nhập từ việc sử dụng xe.

Nay, bà L xác định yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

– Yêu cầu ông Võ Tấn N1 phải trả xe ô tô mang biển số 62H-034.70, nhãn hiệu HYUNDAI, số máy: D6ACEJ274108, số khung: KMFP18CPFC084578, màu sơn: Xanh do ông Võ Tấn N1 đứng tên chủ xe (Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 62 000274).

– Yêu cầu hủy hợp đồng thuê xe ngày 20/10/2023 được công chứng tại VPCC Lê Văn V1 với số công chứng 4355, quyền số 5/2023TP/CC-SCC/HĐGD đối với xe ô tô nêu trên.

- Đối với số tiền thu nhập từ việc sử dụng xe thì bà N yêu cầu ông N1 phải trả tổng số tiền 360.000.000 đồng tính từ tháng 7/2022 đến tháng 09/2024 tương ứng với số tiền 15.000.000 đồng/tháng.

Tại các lời trình bày tại Tòa án của những người đại diện theo ủy quyền của ông N1 có nội dung:

Tại biên bản hòa giải ngày 07/11/2023, người đại diện theo ủy quyền của ông Nghĩa là ông Trần Văn C có nội dung: Ông N1 không đồng ý với nội dung bà N đã trình bày. Số tiền mua xe ô tô trên là do ông N1 và bà N cùng góp tiền, có công sức đóng góp của ông N1. Bà N khởi kiện thì ông N1 không đồng ý. Ông N1 yêu cầu chia đôi giá trị chiếc xe ô tô trên, yêu cầu được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị xe và giao xe cho bà N quản lý, sử dụng; không đồng ý trả cho bà N số tiền thu nhập từ việc sử dụng xe.

Quá trình giải quyết ông N1 thay đổi người đại diện theo ủy quyền, ông Nguyễn Quang V là người đại diện theo ủy quyền của ông N1 trình bày:

Vào năm 2015, ông N1 và bà Nguyễn Thị N có quen biết với nhau, cả hai phát sinh tình cảm và về chung sống như vợ chồng từ năm 2015. Trong quá trình chung sống như vợ chồng, thu nhập mà ông N1 kiếm được đều giao hết cho bà N quản lý để trang trải và tích góp cho gia đình, cuộc sống. Đến ngày 04/10/2018, ông N1 và bà N quyết định mua chiếc xe ô tô đã qua sử dụng của ông Lê Thanh T2, giá trị chiếc xe 1.445.000.000 đồng, thỏa thuận thanh toán 293.000.000 đồng. Tuy nhiên, thực tế chỉ giao được số tiền 275.000.000 đồng cho mẹ của ông T2 là bà Ngô Thị Thu T3. Tại thời điểm mua xe ô tô mang biển số 62H-034.70 của ông T2 thì ông T2 chưa được đứng tên chủ sở hữu, người đứng tên chủ sở hữu là ông Mã P và ông Mã P đang thế chấp ngân hàng.

Trước đây, ông N1 chạy xe thuê cho người khác, số tiền thu nhập hằng tháng khoảng 13.000.000 đồng – 18.000.000 đồng. Ông N1 đã giao số tiền thu nhập hằng tháng của ông N1 cho bà N quản lý và bà N là người trực tiếp đóng tiền trả cho Ngân hàng thay cho ông Mã P hằng tháng từ tháng 10/2018 cho đến tháng 12/2020. Do phía Ngân hàng không cho hợp đồng vay của ông Mã P tiếp tục trả góp nên bà N và ông N1 đã nhờ ông Tạ Thanh D đứng tên người sở hữu xe ô tô. Từ tháng 01/2021 cho đến tháng 6/2022, hằng tháng ông N1 giao tiền thu nhập cho bà N quản lý và bà N chuyển tiền trả góp xe vào tài khoản của Ngân hàng. Đến tháng 7/2022, bà N và ông N1 tích góp được đủ số tiền nên đã trả hết số tiền góp xe còn lại cho Ngân hàng N2 Chi nhánh thành phố S.

Ngày 14/7/2022, ông D và bà Đặng Thị Thu H đã ký với ông N1 hợp đồng mua bán xe ô tô được công chứng tại Văn phòng C1 với số công chứng 5882, quyền số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD.

Sau khi ông N1 đứng tên sở hữu chiếc xe thì ông N1 cho người khác thuê theo thời vụ. Đến tháng 10/2023, ông N1 đã cho thuê xe nêu trên, giá cho thuê hàng tháng là 15.000.000 đồng/tháng; Người thuê xe là ông Huỳnh Ngọc T4 theo hợp đồng thuê xe ngày 20/10/2023 được công chứng tại Văn phòng C2 với số công chứng 4355, quyền số 5/2023TP/CC-SCC/HĐGD đối với xe ô tô nêu trên, thời hạn thuê xe là 01 năm, đã thanh lý xong hợp đồng thuê xe. **Hiện tại chiếc xe nêu trên ông N1 đang cho ông Trần Đức T thuê.**

Về giá trị chiếc xe: Ông V đại diện theo ủy quyền của ông N1 xác định giá trị chiếc xe hiện tại khoảng 600.000.000 đồng.

Về việc phía người kế thừa, quyền nghĩa vụ của nguyên đơn cho rằng ông Nghĩa là người lái xe thuê cho bà N thì đề nghị phía nguyên đơn phải cung cấp hợp đồng lao động giữa bà N và ông N1 và tiền lương thanh toán hằng tháng cho ông Nghĩa L2 bao nhiêu.

Về yêu cầu khởi kiện của bà N do bà L là người kế thừa quyền, nghĩa vụ trình bày. Ông V đại diện theo ủy quyền của bị đơn xác định:

Đối với yêu cầu ông Võ Tấn N1 phải trả xe ô tô mang biển số 62H-034.70, nhãn hiệu HYUNDAI, số máy: D6ACEJ274108, số khung: KMFP18CPFC084578, màu sơn: Xanh do ông Võ tấn N1 đứng tên chủ xe (Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 62 000274) thì ông N1 không đồng ý. Trước đây ông N1 xác định chiếc xe này là tài sản chung của bà N và ông N1; đề nghị chia đôi giá trị chiếc xe nhưng nay ông V đại diện theo ủy quyền của ông N1 xác định chiếc xe này là do ông N1 đứng tên nên thuộc sở hữu của ông N1; đây tài sản có giá trị lớn, nếu bà N nhờ ông N1 đứng tên giữ thì phải cung cấp giấy tờ nhờ đứng tên giữ. Ông V xác định ông Nghĩa là người đứng tên chủ sở hữu hợp pháp được đứng tên đăng ký nên chiếc xe này là của ông N1.

Đối với yêu cầu hủy hợp đồng thuê xe ngày 20/10/2023 được công chứng tại Văn phòng C2 với số công chứng 4355, quyền số 5/2023TP/CC-SCC/HĐGD đối với xe ô tô nêu trên, ông V đại diện theo ủy quyền của ông N1 xác định hiện tại hợp đồng thuê xe nêu trên đã hết thời hạn nên không cần phải hủy. Phía nguyên đơn rút yêu cầu này, bị đơn không có ý kiến.

Đối với yêu cầu trả số tiền thu nhập từ việc sử dụng xe là 15.000.000 đồng/tháng, tổng số tiền 360.000.000 đồng tính từ tháng 7/2022 đến tháng 09/2024 thì ông N1 không đồng ý. Vì chiếc xe này là tài sản của ông N1, ông N1 cho thuê thì ông N1 được toàn quyền quản lý, sử dụng tài sản này. Do đó, ông N1 không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại các lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Đức T có nội dung:

Ngày 10/5/2025, ông T và ông N1 có ký hợp đồng thuê xe (chiếc xe tải nhãn hiệu: Hyundai, biển số: 62H-34.70). Ông T đang sử dụng xe và thanh toán đầy đủ tiền cho ông N1. Ông T đề nghị giải quyết vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 152/2025/DS-ST ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh Tây Ninh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N (do người kế thừa quyền nghĩa vụ tham gia tố tụng) đối với ông Võ Tấn N1.

1.1 Buộc ông Võ Tấn N1 có nghĩa vụ giao chiếc xe ô tô tải theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 62 000274 ngày 09/3/2023, nhãn hiệu HYUNDAI, số loại HD320/DT-; số máy: D6ACEJ274108, số khung: KMFP A18CPFC084578, biển số đăng ký 62H-034.70.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ liên hệ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên xe theo quy định.

Trường hợp ông Võ Tấn N1 không tự nguyện thi hành nghĩa vụ nêu trên thì người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành bản án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

1.2 Buộc ông Võ Tấn N1 có nghĩa vụ trả cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn số tiền 180.000.000 đồng (một trăm, tám mươi triệu đồng) là tiền thu nhập từ chiếc xe.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu tuyên hủy hợp đồng thuê xe ngày 20/10/2023 đối với xe ô tô tải mang biển số 62H-034.70, nhãn hiệu HYUNDAI, số máy: D6ACEJ274108, số khung: KMFP A18CPFC084578 giữa ông N1 và ông T4 được công chứng tại Văn phòng C2, số công chứng 4355, quyền số 5/2023TP/CC-SCC/HĐGD (do người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện và ông N1 với ông T4 đã thanh lý hợp đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 22/12/2025, đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Quang V kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của ông N1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của bị đơn ông Võ Tấn N1 đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Kháng cáo của ông Nguyễn Quang V đề nghị sửa bản án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở. Tuy nhiên, về phần án phí, bà N khởi kiện yêu cầu trả lại xe xe ô tô tải Hyundai, biển số 62H-034.70, cấp sơ thẩm đã buộc ông N1 trả lại xe ô tô tải Hyundai, biển số 62H-034.70, trả lại tiền thuê 180.000.000 đồng và buộc chịu án phí số tiền 38.875.000 đồng là chưa đúng theo quy định tại quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Võ Tấn N1 do ông Nguyễn Quang V đại diện theo ủy quyền về án phí.

Từ những phân tích trên, đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Quang V là người đại diện của ông Võ Tấn N1, sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của bị đơn ông Võ Tấn N1 thực hiện đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Việc xét xử vắng mặt đương sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Đức T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn xét xử phúc thẩm vụ án.

[3] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn khởi kiện: Yêu cầu ông Võ Tấn N1 phải trả xe ô tô mang biển số 62H-034.70, nhãn hiệu HYUNDAI, số máy: D6ACEJ274108, số khung: KMFP18CPFC084578, màu sơn: Xanh do ông Võ Tấn N1 đứng tên chủ xe (Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 62 000274); Yêu cầu hủy hợp đồng thuê xe ngày 20/10/2023 được công chứng tại Văn phòng C2 với số công chứng 4355, quyền số 5/2023TP/CC-SCC/HĐGD đối với xe ô tô nêu trên; Đối với số tiền thu nhập từ việc sử dụng xe thì yêu cầu ông N1 phải trả tổng số tiền 360.000.000 đồng tính từ tháng 7/2022 đến tháng 09/2024 tương ứng với số tiền 15.000.000 đồng/tháng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định vụ án tranh chấp đòi tài sản và thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Nguyên đơn rút yêu cầu hủy hợp đồng thuê xe ngày 20/10/2023 được công chứng tại Văn phòng C2 với số công chứng 4355, quyền số 5/2023TP/CC-SCC/HĐGD đối với xe ô tô tải mang biển số 62H-034.70 nhãn hiệu HYUNDAI, số máy: D6ACEJ274108, số khung: KMFP18CPFC084578 hiện do bị đơn đứng tên. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và

phù hợp theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu trên là phù hợp.

[5]. Xét yêu cầu kháng cáo của ông Võ Tấn N1, thấy rằng:

[5.1] Đối với yêu cầu đòi lại tài sản là chiếc xe ô tô tải:

Nguyên đơn khởi kiện và cung cấp “Hợp đồng bán xe” giữa bà Nguyễn Thị N và ông Lê Thành T1, nội dung bà N mua 01 xe ô tô mang biển số 62H-034.70, nhãn hiệu HYUNDAI, số máy: D6ACEJ274108, số khung: KMFP18CPFC084578 của ông T1 với giá là 1.445.000.000 đồng. Bà N đã thanh toán cho ông T1 số tiền 293.000.000 đồng, có giấy nhận tiền đề ngày 04/10/2018. Số tiền còn lại bà N trả góp hàng tháng thay ông Mã P cho Ngân hàng từ tháng 10/2018 cho đến tháng 12/2020. Sau đó, Ngân hàng không cho hợp đồng vay của ông Mã P tiếp tục trả góp nên bà N đã nhờ ông Tạ Thanh D đứng tên sở hữu xe ô tô này để tiếp tục được trả góp và từ tháng 01/2021 cho đến tháng 6/2022, bà N chuyển tiền trả góp xe vào tài khoản của Ngân hàng. Đến tháng 7/2022 bà N đã thanh toán đủ số tiền ở Ngân hàng nên bà N yêu cầu ông D sang tên chủ sở hữu chiếc xe nói trên cho ông N1 đứng tên cho thuận tiện trong quá trình sử dụng xe chính chủ theo quy định của cơ quan có thẩm quyền, vì ông Nghĩa L2 tài xế chạy xe thuê cho bà N.

Tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng: Thống nhất với quá trình mua bán xe ô tô trên nhưng nguồn tiền mua xe trên là tiền của cá nhân ông N1 đưa cho bà N, không phải tiền của bà N, không đồng ý trả chiếc xe ô tô trên theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Các đương sự trình bày thống nhất với nhau như sau: Vào ngày 04/10/2018, có mua chiếc xe ô tô tải đã qua sử dụng của ông Lê Thành T1, giá trị chiếc xe 1.445.000.000 đồng, thỏa thuận thanh toán 293.000.000 đồng. Thống nhất việc có nhờ ông Tạ Thanh D đứng tên giữ chiếc xe ô tô tải nêu trên. Thống nhất từ tháng 01/2018 đến tháng 6/2022, bà N là người trực tiếp chuyển khoản trả tiền góp xe vào tài khoản của Ngân hàng. Tuy nhiên, phía bị đơn cho rằng nguồn tiền mua xe và trả cho Ngân hàng là tiền của cá nhân ông N1 đưa cho bà N. Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên Tòa hôm nay phía bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của phía bị đơn là có căn cứ. Lời trình bày của bà N về việc nhờ ông Tạ Thanh D và ông Võ Tấn N1 đứng tên giữ chiếc xe là phù hợp với trình bày của ông D, phù hợp với chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những phân tích trên, có đủ cơ sở xác định chiếc xe ô tô tải là của bà N, ông N1 chỉ là người đứng tên thay. Do đó, Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

[5.2] Về yêu cầu trả tiền thu nhập từ việc sử dụng xe ô tô tải biển số 62H-034.70:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền thu nhập từ việc sử dụng xe ô tô tải biển số 62H-034.70 với tổng số tiền 360.000.000 đồng, tính từ tháng 7/2022 đến tháng 09/2024 tương ứng với số tiền 15.000.000 đồng/tháng. Căn cứ vào hợp đồng thuê xe ngày 20/10/2023 được công chứng giữa ông N1 và ông T4 thì thời hạn thuê xe ô tô tải biển số 62H-034.70 là 01 năm kể từ ngày 20/10/2023, giá thuê là 15.000.000/tháng.

Do đó có cơ sở xác định bà N và ông N1 cho ông T4 thuê xe ô tô tải biển số 62H-034.70 thời hạn 01 năm với số tiền thuê là 15.000.000đ/tháng nên cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu trả tiền thu nhập từ việc sử dụng xe trong khoảng thời gian 12 tháng từ ngày 20/10/2023 đến ngày 20/9/2024 với số tiền 180.000.000 đồng là có căn cứ.

[6] Từ những nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N (tên gọi khác là Lê Thị B). Buộc ông Võ Tấn N1 có nghĩa vụ giao chiếc xe ô tô tải theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 62 000274 ngày 09/3/2023, nhãn hiệu HYUNDAI, số loại HD320/DT-; số máy: D6ACEJ274108, số khung: KMFP A18CPFC084578, biển số đăng ký 62H-034.70 và số tiền 180.000.000 đồng là tiền thu nhập từ chiếc xe cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn là có căn cứ.

[7] Về án phí: Trong vụ án này nguyên đơn tranh chấp với bị đơn về quyền sở hữu tài sản là xe ô tô tải biển số 62H-034.70 nên chỉ xem xét xe ô tô tải biển số 62H-034.70 thuộc quyền sở hữu của ai, không xem xét giá trị nên căn cứ vào điểm a khoản 2 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án không có giá ngạch (án phí là 300.000 đồng). Do đó, cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho tranh chấp về quyền sở hữu tài sản là xe ô tô tải biển số 62H-034.70 là chưa đúng Nghị quyết trên nên cần phải cải sửa về án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Từ những phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Tấn N1; Chấp nhận quan điểm đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa; Sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Về án phí phúc thẩm:

Căn cứ Điều 12, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N1 nên ông N1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[10] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Tấn N1.

Sửa một phần Bản án Dân sự sơ thẩm số 152/2025/DS-ST ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh Tây Ninh về án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166, Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N (do người kế thừa quyền nghĩa vụ tham gia tố tụng) đối với ông Võ Tấn N1.

1.1. Buộc ông Võ Tấn N1 có nghĩa vụ giao chiếc xe ô tô tải theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 62 000274 ngày 09/3/2023, nhãn hiệu HYUNDAI, số loại HD320/DT-; số máy: D6ACEJ274108, số khung: KMFPA18CPFC084578, biển số đăng ký 62H-034.70 cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ liên hệ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên xe theo quy định.

Trường hợp ông Võ Tấn N1 không tự nguyện thi hành nghĩa vụ nêu trên thì người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành bản án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

1.2. Buộc ông Võ Tấn N1 có nghĩa vụ trả cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn số tiền 180.000.000 đồng (một trăm, tám mươi triệu đồng) là tiền thu nhập từ chiếc xe.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu tuyên hủy hợp đồng thuê xe ngày 20/10/2023 đối với xe ô tô tải mang biển số 62H-034.70, nhãn hiệu HYUNDAI, số máy: D6ACEJ274108, số khung: KMFPA18CPFC084578 giữa ông N1 và ông T4 được công chứng tại Văn phòng C2, số công chứng 4355, quyền số 5/2023TP/CC-SCC/HĐGD.

3. Về chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng 25.200.000 đồng (hai mươi lăm triệu, hai trăm nghìn đồng), bị đơn đã nộp tạm ứng 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) nên có trách nhiệm trả cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn số tiền 10.200.000 đồng (mười triệu, hai trăm nghìn đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Tấn N1 phải chịu số tiền 9.300.000 đồng (chín triệu, ba trăm nghìn đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà N số tiền 18.300.000 đồng (mười tám triệu, ba trăm nghìn

đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009328 ngày 05 tháng 10 năm 2023 và biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004064 ngày 12 tháng 8 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Tây Ninh).

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Tấn N1 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông N1 đã nộp theo Biên lai thu số 0016651 ngày 19/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Tuấn

Phan Thanh Tùng

Nguyễn Phước Thanh

Nơi nhận:

- Tòa Phúc thẩm TANDTC tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 2 – Tây Ninh;
- Phòng THADS khu vực 2 – Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phước Thanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Hồng Vân - Phùng Thị Cẩm Hồng

Phan Ngọc Hoàng Đình Thực